

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHUNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH THỦY VĂN HỌC**

Ban hành kèm Quyết định số 1843/QĐ-ĐHTL ngày 12/11/2020 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			45									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3	3								
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2		2							
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2			2						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2				2					
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2					2				
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skill and Entrepreneurship	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			23									
8	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3	3								
9	Hóa đại cương	General Chemistry	CHEM112	Hóa cơ sở	3	3								
10	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2	2								
11	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
12	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH232	Toán học	2		2							
13	Thống kê trong kỹ thuật	Statistics in Engineering	STEN212	Thủy văn	2		2							
14	Vật lý I	Physics I	PHYS112	Vật lý	3		3							
15	Vật lý II	Physics II	PHYS223	Vật lý	3			3						
16	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						

[illegible]

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
53	Chỉnh trị sông và bờ biển	River and Coastal Training	RCT410	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	3								3	
54	Thực tập chỉnh trị sông và bờ biển	Practice of River and Coastal Training	PRCT411	Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai	1								1	
55	Quản lý hệ thống công trình thủy lợi	Management of Hydraulic System	MHS438	Kỹ thuật tài nguyên nước	3							3		
56	Hiện đại hóa quản lý vận hành hệ thống thủy lợi	Modernization of management and operation of Irrigation systems		Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
57	Quản lý chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi	Irrigation Water Sampling and Monitoring	IWS427	Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
II.4	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Graduation thesis			13									
58	Thực tập tốt nghiệp	Graduation intenship	GI415	Thủy văn	3									3
59	Học phần tốt nghiệp	Graduation thesis	GT416	Thủy văn	10									10
II.5	Kiến thức tự chọn	Selectives			9							4	5	
1	<i>Quy hoạch hệ thống thủy lợi</i>	<i>Water resources System Planning</i>	<i>PMWR437</i>	<i>Kỹ thuật tài nguyên nước</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
2	<i>Kỹ thuật khai thác nước ngầm</i>	<i>Ground Water Exploitation Engineering</i>	<i>GWT315</i>	<i>Kỹ thuật tài nguyên nước</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
3	<i>Quản lý ngập lụt đô thị</i>	<i>Urban Flooding Management</i>	<i>UFM412</i>	<i>Thủy văn</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
4	<i>Tin học ứng dụng trong Thủy văn và Giám nhệ thiên tai</i>	<i>Applied Informatic in Hydrology and Disaster Management</i>	<i>AIH402</i>	<i>Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
5	<i>Giới thiệu và cơ sở thiết kế công trình thủy</i>	<i>Introduction to Hydraulic Structures Design</i>	<i>CEHS417</i>	<i>Thủy công</i>	<i>2</i>								<i>2</i>	
6	<i>Thủy lực dòng hở</i>	<i>Open Channel Hydraulics</i>	<i>HYDR345</i>	<i>Thủy lực</i>	<i>3</i>								<i>3</i>	
7	<i>Cấp nước</i>	<i>Water Supply</i>	<i>WSS417</i>	<i>Cấp thoát nước</i>	<i>3</i>								<i>3</i>	
8	<i>Thủy văn môi trường</i>	<i>Ecological hydrology</i>	<i>EH311</i>	<i>Thủy văn</i>	<i>3</i>								<i>3</i>	
9	<i>Phân tích rủi ro</i>	<i>Risk Analysis</i>	<i>RA414</i>	<i>Kỹ thuật sông và quản lý thiên tai</i>	<i>2</i>								<i>2</i>	
	Tổng cộng (I + II)	Total			155	15	19	17	18	20	18	19	16	13